

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28- 7- 2022

V/v: Chia tài sản chung sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thu;

Ông Trần Hà Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 28- 7- 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2022/ TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13- 7- 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hồng Đ; sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm Minh Tân, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Hồng Đ trình bày:

Ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H kết hôn năm 1984 và ly hôn năm 2018. Tại Quyết định số 03/QĐST-HNGĐ ngày 19-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông và bà Nguyễn Thị H; công

nhận thỏa thuận về con chung: Bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp nuôi con Lê Hồng Quân, sinh năm 1988 do cháu bị mắc bệnh tâm thần; các bên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Năm 1984, sau khi ông và bà H kết hôn, ông bà được bố mẹ đẻ của ông tặng cho quyền sử dụng đất có diện tích 474m², trong đó đất ở là 276m², đất vườn tạp là 58m²; đất ao 140m², thể hiện tại thửa số 29 tờ bản đồ số 2b, bản đồ địa chính xã B; địa chỉ thửa đất: Xóm Minh Tân (Xóm Minh Lạc cũ), xã B, huyện Giao Thủy, Nam Định. Năm 2003, ông và bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1681/QĐ-UB cấp ngày 25-12-2003. Quá trình chung sống vào năm 1988 vợ chồng ông có xây dựng được 01 căn nhà mái bằng 03 gian một tầng cùng công trình phụ xây mái bằng.

Ông thừa nhận, khi giải quyết ly hôn tại Tòa án, do bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp nuôi con, bản thân bà Nguyễn Thị H không có nơi lưu trú nào khác ông và bà Nguyễn Thị H đã tự thỏa thuận về tài sản, ông để bà Nguyễn Thị H cùng con ở trên căn nhà chung của ông bà. Tuy nhiên, sau khi ly hôn thì con gái ông Lê Thị Nhận đi lấy chồng, đến tháng 4 năm 2021 ông và bà H thỏa thuận ông trực tiếp nuôi cháu Quân. Thực tế cháu Quân liên tục phải điều trị bệnh tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Quảng Ninh, sau đó tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Nam Định. Do có sự thay đổi này và cần phải giải quyết nhu cầu làm ăn kinh tế, ông đề nghị chia tài sản, cụ thể chia tách thửa đất, ông nhận quyền sử dụng đất phần không có nhà ở với diện tích khoảng 204m² đo theo chiều mặt ngõ phía Bắc là 12,3m, mặt ngõ phía Tây là 16,4m; phía Nam giáp thổ ông Trình là 12,3m; phía giáp đất còn lại là 16,9m. Nhà của vợ chồng xây dựng trên đất giá trị không đáng kể ông nhường lại cho bà Nguyễn Thị H. Các công trình xây dựng trên đất khác cũng đều có giá trị không đáng kể thuộc đất chia cho ai thì người đó dùng. Hai bên không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau.

Tại bản biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc ngày 12- 7- 2022 cũng như quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thừa nhận về mối quan hệ giữa bà và ông Đ, vợ chồng đã giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung Lê Hồng Q như ông Đ trình bày. Về tài sản, bà cũng thừa nhận tài sản chung của vợ chồng bà có nhà đất chưa phân chia, nguồn gốc thửa đất đúng như ông Lê Hồng Đ trình bày. Tuy nhiên, khi bà và ông Lê Hồng Đ ly hôn, vợ chồng bà đã tự thỏa thuận bà là người quản lý, sử dụng thửa đất đến hết đời, khi bà chết thì khối tài sản chung này để lại cho con. Thỏa thuận này đã lập thành văn bản có tên “Biên bản hoà giải việc tự thỏa thuận trong phân chia tài sản khi ly hôn” ghi ngày 25- 5- 2018. Ông Lê Hồng Đ đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà cầm từ khi bà và ông Lê Hồng Đ ly hôn, bà là người được trực tiếp quản lý sử dụng toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng từ đó. Nay ông Lê Hồng Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, bà không nhất trí, bà đề nghị được tiếp tục sử dụng thửa đất trong một thời gian khoảng 5 đến 7 năm nữa rồi mới xem xét phân chia.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Thửa đất số 29 tờ bản đồ số 2b bản đồ địa chính xã B, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 018058 cấp ngày 25-12-2003 cấp cho hộ ông Lê Hồng Đ; do đặc thực tế là 460m². Trên đất có 01 nhà mái bằng, bếp và công trình phụ; tường bao và một số công trình xây dựng khác đều đã xuống cấp.

Trị giá quyền sử dụng đất: 1.100.000đồng/1m². Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 460m² x 1.100.000đồng = 506.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia cho ông Lê Hồng Đ 204m² cùng các công trình xây dựng trên đất, bà Nguyễn Thị H 256m² đất cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất. Ghi nhận sự nguyện của ông Lê Hồng Đ không yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H kết hôn năm 1984. Ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 03/QĐST-HNGĐ ngày 19-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy. Ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Nay, ông Đ yêu cầu chia tài sản nên xác định quan hệ tranh chấp giải quyết là “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

[2] Đủ cơ sở xác định: Diện tích đất 460m² trị giá 506.000.000 đồng thể hiện tại thửa số 29, tờ bản đồ số 2b, bản đồ địa chính xã B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; tài sản trên đất có 01 căn nhà mái bằng 03 gian một tầng diện tích khoảng 50m² cùng nhà làm công trình phụ xây mái bằng khoảng 40m² xây dựng năm 1988, tường bao đều đã xuống cấp, không tính giá trị - Là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H.

[3] Thỏa thuận của ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H thể hiện tại văn bản có tiêu đề “Biên bản hoà giải việc tự thỏa thuận trong phân chia tài sản khi ly hôn” ngày 25- 5- 2018 có nội dung: Bà Nguyễn Thị H được sử dụng toàn bộ diện tích đất ở và các công trình xây dựng trên đất cho đến hết đời thì khối tài sản này được thừa kế cho con trai là Lê Hồng Quân- hiện đang bị bệnh tâm thần. Như vậy nội dung văn bản chưa có thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất chung của ông Lê Hồng Đ, bà Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị H; mà chỉ giao cho bà H quản lý, sử dụng với mục đích để “thừa kế cho con trai là Lê Hồng Quân”. Các bên có quyền thay đổi, chấm dứt thỏa thuận này. Ngoài ra, bà H thừa nhận tài sản chung này chưa được chia mà sau này để cho các con. Do đó, yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Hồng Đ có cơ sở được chấp nhận.

[4] Nguồn gốc đất của ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H là do bố mẹ ông Lê Hồng Đ tặng cho cho ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H, nên xác định ông Lê Hồng Đ có công sức đóng góp nhiều hơn bà H trong khối tài sản chung của vợ chồng. Do đó, khi phân chia, đáng lẽ ông Lê Hồng Đ được nhận phần tài sản nhiều hơn bà Nguyễn Thị H. Nay, ông Lê Hồng Đ yêu cầu được phần đất có diện tích 204m² (gồm 119m² đất ở, 25m² đất vườn, 60m² đất ao) có giá trị 224.400.000đồng còn ông để bà Nguyễn Thị H nhận quyền sử dụng đất có nhà mái bằng cùng công trình phụ, diện tích 256m² (gồm 149m² đất ở, 31m² đất vườn, 76m² đất ao) có giá trị 281.600.000đồng. Yêu cầu này là phù hợp và có cơ sở chấp nhận. Ông Đ nhận tài sản có giá trị thấp hơn, nên đáng lẽ bà Nguyễn Thị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Lê Hồng Đ, nhưng ông Đ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí trên giá trị tài sản được nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 33, 35 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự 2015; các điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Đ đối với bà Nguyễn Thị H về việc “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

2. Chia tài sản cụ thể như sau:

Ông Lê Hồng Đ được quyền sử dụng diện tích đất 204m² (gồm: 119m² đất ở, 25m² đất vườn, 60m² đất ao) và sở hữu toàn bộ công trình trên đất; cụ thể: Cạnh giáp đường phía Bắc dài 12.3m, cạnh giáp đường phía Tây dài 16.4m; cạnh giáp đất ông Trình dài 12.3m; cạnh giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị H dài 16.9m.

Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 256m² (gồm: 149m² đất ở, 31m² đất vườn, 76m² đất ao) và sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên đất; cụ thể: Cạnh giáp đường phía Bắc dài 15.5m; cạnh giáp với thổ ông Mục dài 17.5m; cạnh phía Nam giáp thổ ông Trình dài 14,4m; cạnh giáp đất ông Lê Hồng Đ dài 16.9m.

(Có sơ đồ kèm theo)

(Diện tích đất phân chia tại thửa đất số 29 tờ bản đồ số 2b, bản đồ địa chính xã B, đã được UBND huyện Giao Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 018058 cấp ngày 25-12-2003 cấp cho hộ ông Lê Hồng Đ).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hồng Đ, không yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán chênh lệch tài sản.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án này. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định pháp luật và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên đương sự.

3. Về án phí.

Ông Lê Hồng Đ phải nộp 11.220.000 đồng, được khấu trừ số tiền 8.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000132 ngày 21- 4- 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, ông Lê Hồng Đ còn phải nộp 2.470.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H phải 14.080.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã B;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên